

THÔNG TƯ số 36/1998/TT-BTC ngày 21-3-1998 hướng dẫn chế độ tài chính đối với Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 56-CP ngày 2-10-1996 của Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích và Thông tư số 6-TC/TCDN ngày 24-2-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích;

Căn cứ Quyết định số 15/1998/QĐ-TTg ngày 24-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích;

Để phù hợp với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực quản lý điều hành bay, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số nội dung về chế độ quản lý tài chính đối với Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ điều hành bay theo chính sách của Nhà nước, do Nhà nước giao kế hoạch, thu theo giá và phí do Nhà nước quy định, hoạt động chủ yếu không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện chế độ tài chính quy định tại Thông tư số 6-TC/TCDN ngày 24-2-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

- Ngoài nhiệm vụ hoạt động công ích, Trung tâm quản lý bay được tổ chức hoạt động kinh doanh thêm phù hợp với khả năng của doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường với các điều kiện:

+ Được Cục Hàng không dân dụng Việt Nam đồng ý bằng văn bản.

+ Không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao.

+ Bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định hiện hành.

+ Hạch toán riêng phần kinh doanh thêm.

+ Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với phần hoạt động kinh doanh thêm theo quy định của pháp luật.

B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Thu, chi tài chính.

1.1. Doanh thu của Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam: Bao gồm doanh thu từ hoạt động công ích và doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh (nếu có) và các hoạt động khác.

a) Doanh thu hoạt động công ích bao gồm:

- Thu hoạt động điều hành tàu bay bay qua vùng thông báo bay của Việt Nam.

- Thu từ hoạt động điều hành tàu bay đi, đến các cảng hàng không sân bay Việt Nam.

- Thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước (nếu có) và các khoản thu khác.

b) Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác áp dụng như quy định đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh.

1.2. Chi phí của Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam: Bao gồm các chi phí cho hoạt động công ích, chi phí hoạt động kinh doanh và hoạt động khác.

a) Nội dung chi phí hoạt động công ích bao gồm:

- Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương.
- Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Chi mua sắm công cụ lao động.
- Chi phí bảo quản, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định.
- Chi sửa chữa lớn tài sản cố định.
- Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu, động lực.
- Chi phí đào tạo và ứng dụng khoa học kỹ thuật chuyên ngành.
- Chi bay hiệu chuẩn thiết bị.
- Chi thuê kênh thông tin vệ tinh.
- Chi trả dịch vụ bổ sung điều hành bay quá cảnh tại các sân bay.
- Chi quản lý đảm bảo hoạt động (bao gồm: chi nghiệp vụ ngành, dụng cụ văn phòng, bảo hộ lao động, công tác phí, hội nghị, lễ tân khánh tiết, chi tiếp khách, lệ phí ngân hàng, bảo hiểm phương tiện, tài sản, chi ăn định lượng của kiểm soát viên không lưu và chi khác...).
- Chi phí khác có liên quan.

b) Nội dung chi phí cho các hoạt động kinh doanh, thực hiện như đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.3. Quản lý thu - chi tài chính của Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam.

- Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam được sử dụng doanh thu để bù đắp các khoản chi phí, trong đó: doanh thu từ hoạt động công ích dùng để bù đắp chi phí của hoạt động công ích, doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động

khác dùng để bù đắp giá thành toàn bộ của sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ, các chi phí khác, thuế và các khoản nộp của Nhà nước theo quy định của pháp luật (trừ thuế lợi tức). Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam phải được mở sổ sách kế toán, hạch toán và theo dõi riêng kết quả tài chính của hoạt động sản xuất, kinh doanh, không được lấy kết quả tài chính của hoạt động công ích để bù lỗ (nếu có) đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Chứng từ thu do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) ban hành, trường hợp sử dụng chứng từ thu đặc thù, Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam phải đăng ký với Tổng cục Thuế để thực hiện.

2. Xử lý kết quả tài chính.

Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, kết quả tài chính đối với hoạt động công ích được hạch toán theo hình thức xác định chênh lệch thu, chi.

2.1. Khoản chênh lệch thu, chi đối với hoạt động công ích được xử lý như sau:

a) Trích các quỹ:

- Trích quỹ đầu tư phát triển bằng 25% số chênh lệch.
- Trích quỹ dự phòng tài chính bằng 5% số chênh lệch, nhưng số dư tối đa của quỹ dự phòng không được vượt quá 25% so với vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Trích 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện năm trong trường hợp số nộp ngân sách nhà nước năm báo cáo cao hơn năm trước hoặc bằng 2 tháng lương thực hiện nếu số nộp ngân sách nhà nước năm báo cáo thấp hơn năm trước.

b) Số còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Phân phối lợi nhuận của kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, được thực hiện như đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh,

nhưng tổng mức trích vào mỗi quỹ tối đa không được vượt quá mức khống chế đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Hàng năm, Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam có trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất, thu chi tài chính đối với hoạt động công ích theo quy định của Nhà nước, báo cáo Cục Hàng không dân dụng Việt Nam và Bộ Tài chính.

2. Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính về dự toán thu, chi tài chính hàng năm của Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam tiến hành phê duyệt và giao kế hoạch hàng năm cho Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam, đồng thời tổ chức chỉ đạo đơn vị thực hiện dự toán thu, chi tài chính và đảm bảo kế hoạch thu nộp ngân sách nhà nước.

III. KIỂM TRA KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

1. Lập báo cáo tài chính.

- Hàng quý, năm, Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam có trách nhiệm lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành, Tổng Giám đốc Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính hàng quý, năm phải gửi Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, Bộ Tài Chính, cơ quan thuế và cơ quan thống kê theo nội dung và mẫu biểu quy định tại Quyết định số 1141-TC/QĐ/CDKT ngày 1-11-1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp nhà nước.

2. Kiểm tra báo cáo tài chính.

- Hàng quý và năm, Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam phải tự kiểm tra kế toán, báo cáo tài chính của đơn vị mình theo quy định tại Quyết định số 832-TC/QĐ/CDKT ngày 28-10-1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành kèm theo quy chế kiểm toán nội bộ.

- Cục Hàng không dân dụng Việt Nam phối hợp cùng Bộ Tài chính (cơ quan quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp) tiến hành kiểm tra và tổ chức phê duyệt báo cáo tài chính năm của Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam.

- Cơ quan tài chính có nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành các chế độ tài chính kế toán, kỷ luật thu nộp ngân sách nhà nước và tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính. Mọi vi phạm chế độ kế toán, chế độ thu - chi tài chính, thu nộp ngân sách nhà nước, chế độ trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp sẽ bị xử phạt hành chính, xử phạt kinh tế theo quy định của luật pháp.

3. Công khai báo cáo tài chính.

- Căn cứ vào báo cáo tài chính hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam công bố công khai một số chỉ tiêu tài chính trước hội nghị công nhân viên chức của doanh nghiệp.

- Nội dung các chỉ tiêu công bố công khai theo mẫu quy định tại Thông tư số 6-TC/TCDN ngày 24-2-1997 của Bộ Tài chính.

C. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Ngoài những quy định tại Thông tư này, Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam còn phải thực hiện theo các quy định khác của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước.

- Thông tư này được thực hiện từ năm 1998, mọi quy định trước đây về quản lý tài chính đối với Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam trái

với Thông tư này đều không có hiệu lực thi hành.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam có trách nhiệm báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu và bổ sung cho phù hợp.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

QUYẾT ĐỊNH số 369/1998/QĐ-BTC
ngày 28-3-1998 về việc thực hiện
đơn giản hóa thủ tục hành chính
trong khâu cấp phát, thanh toán,
cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ
bản của Nhà nước qua hệ thống
Tổng cục Đầu tư phát triển.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 178-CP ngày 28-10-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 187-CP ngày 10-12-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Đầu tư phát triển trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 92-CP ngày 23-8-1997 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP;

Để thực hiện chủ trương cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục, tránh phiền hà cho các chủ đầu tư và đơn vị trong khâu cấp phát, thanh toán, cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Đầu tư phát triển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính trong khâu cấp phát, thanh toán, cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước qua hệ thống Tổng cục Đầu tư phát triển.

Điều 2.- Tổng cục Đầu tư phát triển xây dựng và ban hành quy trình cấp phát, thanh toán và cho vay vốn cụ thể để hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Hội, các đoàn thể, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty 91, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đầu tư phát triển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

QUY ĐỊNH về đơn giản hóa thủ tục
hành chính trong khâu cấp phát,
thanh toán, cho vay vốn đầu tư xây
dựng cơ bản của Nhà nước qua hệ
thống Tổng cục Đầu tư phát triển

(ban hành kèm theo Quyết định số 369/1998/QĐ-BTC ngày 28-3-1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Điều 1.- Để chủ động bố trí vốn và có cơ sở thực hiện việc thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản